

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG HHT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG HHT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HHT VIET NAM ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HHT VN., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108043753

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, liên kè 19, KĐT Văn Khê,, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916128569

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662     |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ logistics                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5229     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610     |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Nhóm này gồm:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321     |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br/> chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br/> Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện )<br/> Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br/> Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br/> Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</p>                                                                                                                                        | 4659 |
| 11. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br/> Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 12. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br/> Nhóm này gồm:<br/> - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br/> - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br/> + Thang máy, cầu thang tự động,<br/> + Các loại cửa tự động,<br/> + Hệ thống đèn chiếu sáng,<br/> + Hệ thống hút bụi,<br/> + Hệ thống âm thanh,<br/> + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br/> Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy</p> | 4329 |
| 13. | <p>Cổng thông tin<br/> (trừ hoạt động báo chí)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Tư vấn đấu thầu</p> <p>Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu</p> <p>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu</p> <p>Quản lý chất lượng thi công xây dựng</p> <p>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Khoản 8, điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013)</p> <p>Quản lý chất lượng thi công xây dựng</p> <p>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Khoản 8, điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013)</p> <p>Quản lý chất lượng thi công xây dựng</p> <p>Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Khoản 8, điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013)</p> <p>Quản lý chất lượng thi công xây dựng</p> <p>Theo dõi, giám sát thi công xây dựng công trình;</p> <p>Kiểm định công trình xây dựng;</p> <p>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</p> <p>Thiết kế quy hoạch công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt</li> <li>- Thiết kế mạng thông - tin liên lạc trong công trình xây dựng</li> <li>- Thiết kế phòng cháy – chữa cháy;</li> </ul> <p>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</p> <p>Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng.</p> | 7110(Chính) |
| 15. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2740        |
| 16. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</p> <p>Bán buôn xi măng</p> <p>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</p> <p>Bán buôn kính xây dựng</p> <p>Bán buôn sơn, véc ni</p> <p>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</p> <p>Bán buôn đồ ngũ kim</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 17. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p>chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp</p> <p>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng</p> <p>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730        |
| 18. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322 |
| 20. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 21. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</p> <p>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế</p> <p>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</p> <p>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</p> <p>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</p> <p>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</p> <p>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</p> <p>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 23. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4661 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 25. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép | 4669 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ĐÌNH HOÀNG | Khu KM 11,, Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 15,000    | 100754430                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ VĂN HOÀN   | Xóm 5,, Xã Nghĩa Thuận, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 450.000    | 4.500.000.000         | 75,000    | 186263057                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 450.000    | 4.500.000.000         | 75,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | KIỀU HÀ TUYỀN | Khu 19, , Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    | 131392828                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 100754430

Ngày cấp: 28/06/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu KM 11,, Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu KM 11,, Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội